

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA**  
KHANH HOA POWER CENTRIFUGAL CONCRETE JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ : 11 đường Lý Thánh Tôn – P. Vạn Thạnh – Tp. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa  
Điện thoại : 058. 2220696 Fax : 058. 2220698  
Email : [ctybtlt.dlkh@gmail.com](mailto:ctybtlt.dlkh@gmail.com) Website : [www.kpceco.com.vn](http://www.kpceco.com.vn)

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010**

(Phụ lục số II theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

.....

Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA  
Tên viết tắt : KPCECO  
Mã chứng khoán : KCE  
Năm báo cáo : 2010  
Logo :



Trụ sở chính : 11 Lý Thánh Tôn – P. Vạn Thạnh - Tp. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa  
Điện thoại : 058. 2220696 Fax : 058. 2220698  
Vốn điều lệ : 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng)

Giấy CNĐKKD: Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh và Đăng ký thuế số 4200742214 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 19/03/2008 (số cũ 3703000358), đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 29/12/2009.

### **I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa tiền thân là Xí nghiệp xây lắp Công nghiệp Điện lực Khánh Hòa với quá trình hình thành và phát triển như sau:

- Tháng 03/1994: Công ty tiến hành cải tạo Xưởng đúc trụ vuông thuộc Phân xưởng Cơ điện – Điện lực Khánh Hòa, lắp đặt dây chuyền sản xuất Bê tông ly tâm;
- Tháng 12/1994: Khánh thành Xưởng đúc trụ Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa (28E Trần Phú, Vĩnh Nguyên, Nha Trang) – trực thuộc Đội Xây lắp điện;
- Tháng 05/1997: Xây dựng Xưởng sản xuất Bê tông ly tâm tại số 07 Phạm Phú Thứ, Bình Tân, Nha Trang, Khánh Hòa và di dời toàn bộ Xưởng cũ qua;

- Ngày 01/07/2005: Điện lực Khánh Hòa tiến hành cổ phần hóa và thành lập Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa và đến ngày 15/11/2005 xí nghiệp Xây lắp Công nghiệp Điện lực Khánh Hòa được thành lập dựa trên cơ sở nhân lực của Đội xây lắp điện và Xưởng sản xuất BTLT trực thuộc Xí nghiệp;

- Ngày 27/02/2008: Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa được thành lập theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, trên cơ sở vốn góp của các cổ đông: Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa, Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang và Cán bộ Công nhân viên hai Công ty;

- Ngay sau khi thành lập, Công ty đã tiến hành lập Dự án “Nhà máy Bê tông Ly tâm ứng lực trước Khánh Hòa”, được Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa cấp giấy phép xây dựng vào ngày 19/12/2008 và bắt đầu khởi công thực hiện Dự án tại Lô số C5,6,7,8 khu Công nghiệp Đắc Lộc, Vĩnh Phương, Nha Trang;

- Đầu tháng 01/2009: Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa tiếp nhận toàn bộ nhân sự, thiết bị của Xưởng sản xuất BTLT – Xí nghiệp Xây lắp Công nghiệp Điện lực Khánh Hòa chuyển qua;

- Cuối tháng 04/2009: Nhà máy BTLT Ứng lực trước Khánh Hòa cơ bản được hoàn thành, tiến hành chạy thử, nghiệm thu và đưa vào sử dụng. Hạng mục di dời máy móc, thiết bị từ Xưởng sản xuất Bình Tân sang Nhà máy mới tại Đắc Lộc cũng được hoàn thành. Nhà máy BTLT ứng lực trước Khánh Hòa chính thức đi vào hoạt động vào tháng 07/2009;

- Ngày 29/07/2009: Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa tiến hành làm Lễ khánh thành cho Nhà máy sản xuất Bê tông Ly tâm ứng lực trước Khánh Hòa, đánh dấu hoàn thành một dự án lớn, xuyên suốt hoạt động của Công ty;

- Ngày 29/12/2009 Công ty đăng ký thay đổi giấy CNĐKKD và Đăng ký thuế số 4200742214, điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ lên 15 tỷ đồng và thay đổi người đại diện theo pháp luật.

**\* Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty :**

- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí;

**\* Tình hình hoạt động Công ty trong 3 năm qua :**

STT	Các chỉ tiêu chính	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Tốc độ tăng trưởng b/q
01	Tổng doanh thu	331.667.411	25.363.015.268	30.509.356.374	120%
02	Lợi nhuận sau thuế	163.781.454	3.384.143.750	4.588.255.790	135,6%
03	Tổng tài sản	11.301.632.401	46.442.264.808	40.672.225.770	87,6%
04	Nộp thuế	76.898.869	101.909.612	1.137.817.077	
05	Vốn điều lệ	10.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	

06	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	9.997.081.454	17.531.261.204	19.226.063.494	109,7%
07	<b>Thu nhập tiền lương/đầu người</b>	2.856.000	3.226.000	3.854.000	119,5%

### **Định hướng phát triển :**

Mục tiêu của Công ty :

- Mục tiêu trước mắt : Trong thời gian hai năm tới, mục tiêu trước mắt của Công ty là giữ vững thị phần trong khu vực trước áp lực cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng có sản phẩm tương tự; Tổ chức tốt sản xuất để đạt tới năng suất thiết kế của nhà máy; Đảm bảo sự ổn định của chất lượng sản phẩm; Đảm bảo công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động.

- Mục tiêu lâu dài : Thực hiện tốt công tác Marketing, tiếp thu và áp dụng công nghệ mới, mở rộng thị trường và chủng loại sản phẩm, tổ chức tốt công tác sản xuất ... để Công ty luôn khẳng định vị thế Doanh nghiệp hàng đầu về sản xuất, cung ứng sản phẩm bê tông ly tâm trong khu vực Nam trung bộ và Tây Nguyên. Đầu tư mở rộng, tăng năng lực sản xuất, chủng loại sản phẩm; mở rộng ngành nghề kinh doanh; Xây dựng Công ty phát triển bền vững.

Chiến lược phát triển : Trong thời gian tới Công ty tận dụng và phát huy tối đa các lợi thế sẵn có trong kinh doanh của Công ty ; Giữ vững chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, giảm chi phí trong sản xuất; Tăng doanh thu những mặt hàng có tính chủ lực, mở rộng thị trường và chủng loại sản phẩm. Tích cực quan hệ, hợp tác với các đối tác để nắm bắt, tiếp thu, áp dụng công nghệ mới, từng bước đầu tư nghiên cứu chế tạo và ứng dụng sản phẩm mới trong lĩnh vực vật liệu và sản phẩm xây dựng. Nghiên cứu, tiến tới tham gia hoạt động xây lắp và dịch vụ nhằm quảng bá sản phẩm, tạo uy tín cho Công ty, giảm rủi ro trong kinh doanh và hỗ trợ tạo điều kiện cho sản xuất công nghiệp.

Ban lãnh đạo Công ty luôn xác định nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định cho sự thành công của Doanh nghiệp. Công ty sẽ tạo mọi điều kiện thuận lợi để người lao động phát huy năng lực cũng như có điều kiện thường xuyên trau dồi, nâng cao trình độ chuyên môn của mình. Công ty có kế hoạch cử cán bộ chủ chốt, cán bộ quản lý cấp trung, chuyên viên tham gia các lớp học quản lý phù hợp với nhiệm vụ và khả năng phát triển trong hoạt động chung của toàn Công ty.

Trong các cách để tạo ra năng lực cạnh tranh, Công ty xác định lợi thế thông qua con người được xem là yếu tố căn bản, trình độ công nghệ cao trong khu vực cùng mức độ đồng bộ của dây chuyền sản xuất đảm bảo chất lượng sản phẩm cao, ổn định và chính sách kinh doanh tốt là yếu tố chính quyết định lợi thế cạnh tranh của Công ty trong khu vực Nam trung bộ và tây Nguyên. Kết hợp giữa chiến lược dẫn đạo chi phí và chiến lược cạnh tranh bằng sự khác biệt đối với từng nhóm sản phẩm, từng dự án, từng giai đoạn phát triển của Công ty.

## **II. Báo cáo của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty**

### **1. Hoạt động của Hội đồng quản trị :**

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Trên cơ sở xác định mục tiêu, chiến lược phát triển, Hội đồng quản trị tập trung bám sát chiến lược trung, dài hạn và kế hoạch kinh doanh năm 2010. Tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo Ban điều hành Công ty ứng phó với những biến động bất thường của tình hình kinh tế, hạn chế tối đa những tác động tiêu cực tới các mặt hoạt động của Công ty, duy trì ổn định các mặt hoạt động vượt qua những khó khăn, thách thức.... thể hiện qua những kết quả sau :

- Trong năm tổ chức định kỳ họp HĐQT xoay quanh các lĩnh vực như : kế hoạch Đại hội cổ đông thường niên, xem xét báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009; phương án phân phối lợi nhuận năm 2009; kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2010;

- Tổng kết đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ đợt 2 Công ty theo NQĐHĐCĐ năm 2009 từ 10 tỷ đồng lên thành 15 tỷ đồng.

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 vào ngày 22/4/2010 thông qua các báo cáo.

- Hoàn thành Tổng quyết toán dự án đầu tư Nhà máy Bê tông ly tâm ứng lực trước Khánh Hòa.

- Hoàn thành công tác lưu ký chứng khoán Công ty Cổ phần bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa (mã chứng khoán KCE) trên thị trường UpCom – Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện hoạt động của Công ty, đưa các hoạt động của Công ty đi vào ổn định, phát huy hiệu quả kinh doanh tạo lập hình ảnh Công ty, nâng cao năng lực sản xuất, mở rộng chủng loại sản phẩm, giữ vững thị phần và xúc tiến mở rộng sản phẩm sang các địa phương lân cận.

## 2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Trong điều kiện nền kinh tế đang chịu nhiều biến động, Công ty cũng đã đạt được những kết quả đáng kể thể hiện qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010:

STT	Các chỉ tiêu chính	Kết quả năm 2010	So với kế hoạch	So với năm 2009
01	Tổng doanh thu	30.509.356.374	84,7%	120%
02	Lợi nhuận sau thuế	4.588.255.790	114,7%	135,6%
03	Tổng tài sản	40.672.225.770		87,6%
04	Nộp thuế	1.137.817.077		1.116,5%
05	Vốn điều lệ	15.000.000.000		150%
06	Vốn chủ sở hữu	19.226.063.494		109,7%
07	Thu nhập tiền lương/đầu người	3.854.000		119,5%

## 3. Những thay đổi chủ yếu trong năm

- Tổng tài sản có đến 31/12/2010 : **40.672.225.770 đồng** giảm 13% so với cùng kỳ 31/12/2009.

- Kể từ tháng 10/2009 vốn điều lệ Công ty tăng từ 10.000.000.000 đồng lên thành 15.000.000.000 đồng.

- Lắp đặt thêm 01 dàn quay, làm thêm một số khuôn cọc cừ nhằm nâng cao tỉ trọng và năng lực sản xuất đáp ứng nhu cầu mở rộng các dự án khu dân cư mới tại Khánh Hòa và các vùng lân cận.

## 4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Căn cứ vào tình hình phát triển chung của ngành xây dựng và nguồn vốn đầu tư phục vụ cho quá trình phát triển cơ sở hạ tầng của đất nước; Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa định hướng tập trung cung ứng sản phẩm Bê tông ly tâm vào các khu vực như: kinh tế dịch vụ, công nghiệp, xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển hệ thống đô thị và các khu dân cư nông thôn ... nhằm chiếm được thị phần cung ứng sản phẩm bê tông ly tâm không chỉ ở tỉnh Khánh Hòa mà còn ở các tỉnh lân cận khác.

Hiện tại, tỉnh Khánh Hòa đang triển khai một số các dự án lớn của các khu công nghiệp và khu dân cư, trong đó có phần xử lý nền móng có sử dụng cọc ống BTLT cốt thép ứng lực trước. Với thị phần này cũng đã mang đến nguồn doanh thu không nhỏ cho công ty .

Nhờ lợi thế gần với khu trung tâm của các dự án trong tỉnh Khánh Hòa và khu vực lân cận, Công ty đã bắt đầu cung cấp cọc ống đến chân công trường cho các dự án mà từ trước đến nay phải mua và vận chuyển cọc ống từ thành phố Hồ Chí Minh vào với giá thành và chi phí vận chuyển khá cao.

Tại thành phố Nha Trang đang triển khai “Dự án cải tạo vệ sinh môi trường Nha Trang” vốn đầu tư hơn 70 triệu USD với việc làm mới hàng chục km đường ống thoát nước thành phố, khu dân cư Vĩnh Thái với diện tích 126 ha đang triển khai thi công cơ sở hạ tầng có nhu cầu sử dụng ống cống BTLT với khối lượng lớn...

Theo quy hoạch định hướng phát triển kinh tế- xã hội tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2005-2010 và đến năm 2020 hệ thống đường giao thông trên địa bàn tỉnh tiếp tục được cải tạo, sửa chữa và xây dựng mới cũng là một nguồn tiêu thụ lớn sản phẩm ống cống BTLT.

Việc triển khai xây dựng các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn các tỉnh lân cận cũng cần thiết sử dụng ống cống BTLT các loại.

### III. Báo cáo của Ban Giám đốc

#### 1. Báo cáo tình hình tài chính

TT	KHOẢN MỤC	ĐƠN VỊ	NĂM 2008	NĂM 2009	NĂM 2010
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,91	1,00	1,13
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,91	0,74	0,63
<b>II</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
1	Tỷ suất lợi nhuận/Doanh thu	%	-	13,38	15,07
2	Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản	%	1,45	7,29	11,3
3	Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu	%	1,64	19,3	23,86
<b>III</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn</b>				
1	Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,12	0,62	0,53
2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,13	1,62	1,12
<b>IV</b>	<b>Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần</b>				

1	Giá trị sổ sách của mỗi cổ phần(Vốn CSH/Số CP lưu hành)	Đồng/ cổ phần	10.166	11.687	12.817
2	Thu nhập trên mỗi cổ phần(LN sau thuế /Số CP lưu hành)	Đồng/ cổ phần	167	2.256	3.059

Qua xem xét một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hoà, có thể thấy các chỉ tiêu về khả năng thanh toán, về cơ cấu vốn và năng lực hoạt động của Công ty là tương đối ổn định.

Hệ số nợ /Vốn chủ sở hữu của Công ty xấp xỉ 1,12 lần cho thấy Công ty sử dụng đòn bẩy tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh tương đối và do đó, chi phí lãi vay sẽ chiếm tỷ trọng đáng kể trong chi phí hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời cũng được cải thiện rõ rệt trong năm 2010, cho thấy sự nỗ lực lớn của Công ty trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Giá trị sổ sách tài thời điểm 31/12 của năm báo cáo : 12.817đồng/cổ phiếu tăng 10% so với cùng kỳ năm trước. Do nguồn vốn chủ sở hữu tăng, các nguồn quỹ tăng mà số lượng cổ phiếu đang lưu hành vẫn giữ nguyên.

Tổng số cổ phiếu theo từng loại : 1.500.000cổ phiếu , tất cả là cổ phiếu thường, không có cổ phiếu ưu đãi.

Tổng số trái phiếu đang lưu hành : *không có*

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại : 1.500.000CP là cổ phiếu phổ thông.

Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại : *không có*

Cổ tức /lợi nhuận chia cho các cổ đông góp vốn : HĐQT dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt chia cổ tức năm 2010 là 16% (Trong đó : vào tháng 9/2010 đã thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 1 cho cổ đông bằng tiền mặt là 8% tương đương giá trị : 1.200.000.000đồng)

## **2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

**Tình hình tổ chức sản xuất** : Trong năm 2010 do tình hình thiếu hụt điện chung của cả nước, vì vậy Công ty cũng phải sản xuất theo lịch trình cắt điện luân phiên của Công ty Điện lực do đó sản lượng cung cấp chưa đáp ứng được kịp thời nhu cầu của khách hàng. Trong sản xuất các cấp điều hành quản lý tập trung kiểm soát các định mức chi phí, tận dụng mọi điều kiện nhằm tiết kiệm chi phí.....góp phần giảm giá thành sản phẩm. Bên cạnh đó còn tăng cường kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm ổn định giảm sự khiếu nại phản ánh của khách hàng. Công ty thực hiện sản xuất với phương châm : “*Liên tục phát triển, không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm, áp dụng công nghệ mới, dịch vụ tốt, giá cạnh tranh*”

**Tình hình kinh doanh** : năm 2010 trên địa bàn Tỉnh Khánh Hòa một số Công ty sản xuất cùng loại sản phẩm được thành lập, một số Công ty đã đầu tư, nâng cấp, mở rộng sản xuất tạo nên áp lực cạnh tranh gay gắt. Vì vậy Công ty tăng cường mở rộng tìm kiếm khách hàng,

áp dụng sách lược cạnh tranh phù hợp với từng loại sản phẩm nhằm tạo điều kiện thu hút khách hàng. Phân đầu năm 2011 hoàn thành kế hoạch.

**Tình hình nguyên nhiên vật liệu :** Giá cả nguyên vật liệu biến động tăng mạnh, về cuối năm nguồn nguyên nhiên vật liệu thiếu hụt. Việc cung ứng nguyên liệu đáp ứng nhu cầu sản xuất chỉ ảnh hưởng từ nguồn vốn thiếu hụt không dự trữ được nhiều nguyên liệu vì vậy việc mua nguyên liệu từng thời điểm gây ảnh hưởng đến giá thành sản xuất.

### **3. Những tiến bộ công ty đã đạt được**

Là một Công ty mới được thành lập chưa được 3 năm, từ sản xuất thủ công sang dây chuyền sản xuất hiện đại. Công ty vừa sản xuất vừa đang hoàn thiện dây chuyền sản xuất. Sắp xếp các bộ phận sản xuất cho đồng bộ phù hợp với dây chuyền mới.

Về mặt tổ chức hành chính : Công ty ban hành một số quy định, quy chế phù hợp với công tác quản lý mới.

Về các biện pháp kiểm soát :

Đối với bộ phận sản xuất : Thành lập bộ phận kiểm soát về chất lượng sản phẩm phục vụ dây chuyền sản xuất.

Đối với bộ phận quản lý :Ban kiểm soát Công ty hoạt động thường xuyên và định kỳ kiểm tra, rà soát về việc thực hiện các quy định, quy chế cũng như các nội dung của các Nghị quyết Đại hội cổ đông và Điều lệ Công ty ...

Mặc dù năm 2010 là năm có nhiều biến động lớn tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty chưa hoàn thành mục tiêu kế hoạch năm 2010 (*chưa đạt doanh thu kế hoạch*). Nhưng cũng đã đạt vượt mức lợi nhuận so với kế hoạch được giao. Công ty cố gắng duy trì và phân đầu để đạt được kế hoạch năm 2011.

### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.**

#### **Kế hoạch sản xuất năm 2011:**

Đẩy mạnh hơn nữa việc phát triển, mở rộng thị trường ra các tỉnh lân cận. Tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo năng lực cạnh tranh, tăng doanh thu và lợi nhuận. Nâng cao mức thu nhập cho CB CNV Công ty.

	<b>Các chỉ tiêu kinh tế :</b>	<b>Kế hoạch</b>
1	Doanh thu bán hàng	36.000.000.000
2	Lợi nhuận kế hoạch sau thuế	4.000.000.000
3	Cổ tức (%)	16

#### **\* Kế hoạch đầu tư năm 2011:**

Công ty tiếp tục thực hiện đầu tư nhằm nâng cao năng lực và hoàn thiện dây chuyền sản xuất. Tùy theo nhu cầu thị trường và tình hình sản xuất của năm 2011 thông qua Đại hội đồng cổ

đông năm 2011 Công ty sẽ đầu tư thêm một số hạng mục và mua sắm thêm một số thiết bị để đáp ứng nhu cầu đa sản phẩm cho khách hàng được kịp thời.

#### IV. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa được kiểm toán bởi Công ty TNHH – Tư vấn Đất Việt(Vietland Co., Ltd)

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>7,920,172,340</b>	<b>11,582,031,361</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>826,194,075</b>	<b>3,779,261,609</b>
1. Tiền	111		826,194,075	3,779,261,609
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3,427,466,332</b>	<b>3,707,547,087</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	3,097,227,092	3,269,100,759
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	330,239,240	438,446,328
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		-	-
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>3,513,704,578</b>	<b>3,007,352,144</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.4	3,513,704,578	3,007,352,144
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-



<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>152,807,355</b>	<b>1,087,870,521</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	139,515,241	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	1,087,870,521
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.6	13,292,114	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>200</b>		<b>32,752,053,430</b>	<b>34,860,233,447</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>210</b>	-	-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211	-	-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		212	-	-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ		213	-	-	-
4. Phải thu dài hạn khác		218	-	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219	-	-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>220</b>		<b>32,444,875,063</b>	<b>34,563,843,183</b>
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.7	28,340,134,740	30,523,081,821
<i>Nguyên giá</i>		222		33,150,109,908	32,237,699,378
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		223		(4,809,975,168)	(1,714,617,557)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
<i>Nguyên giá</i>		225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình		227	V.8	3,933,536,958	4,040,761,362
<i>Nguyên giá</i>		228		4,129,876,938	4,129,876,938
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		229		(196,339,980)	(89,115,576)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		230	V.9	171,203,365	-

<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	-	-
Nguyên giá	241	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242	-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>307,178,367</b>	<b>296,390,264</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10 307,178,367	296,390,264
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>40,672,225,770</b>	<b>46,442,264,808</b>

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối năm	đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>21,446,162,276</b>	<b>28,911,003,604</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7,021,221,904</b>	<b>11,818,623,963</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	4,740,000,000	4,275,333,890
2. Phải trả người bán	312	V.12	587,590,988	1,424,465,301
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	174,857,148	383,385,090
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	188,867,150	27,799,069
5. Phải trả người lao động	315	V.15	911,471,784	1,192,548,153
6. Chi phí phải trả	316	V.16	-	4,196,578,019
7. Phải trả nội bộ	317			

				-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	41,190,846	124,637,441
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.18	377,243,988	193,877,000
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>14,424,940,372</b>	<b>17,092,379,641</b>
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	2,217,000,000
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333	V.19	2,812,560,731	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.20	11,598,000,000	14,861,000,000
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.21	14,379,641	14,379,641
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B -</b>	<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>19,226,063,494</b>	<b>17,531,261,204</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.22	<b>19,226,063,494</b>	<b>17,531,261,204</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		15,000,000,000	15,000,000,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		1,002,410,530	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		1,236,397,174	416,000,000
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		199,000,000	79,000,000
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	-

**CÔNG TY CP BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010**

			1,788,255,790	2,036,261,204
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	-	-
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Nguồn kinh phí	432	-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	-	-
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>40,672,225,770</b>	<b>46,442,264,808</b>

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)	-	-	-
Euro (EUR)	-	-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-	-

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		30,432,968,157	25,298,391,145

*CÔNG TY CP BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA*  
*BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010*

2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	12,000,000
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	30,432,968,157	25,286,391,145
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	22,026,430,644	18,819,762,599
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8,406,537,513	6,466,628,546
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	75,267,244	76,624,027
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	1,980,343,394	1,410,701,310
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		1,752,446,319	1,153,769,610
8.	Chi phí bán hàng	24	VI.5	775,823,712	702,847,238
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	1,151,474,401	1,029,603,752
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4,574,163,250	3,400,100,273
11.	Thu nhập khác	31		1,120,973	96
12.	Chi phí khác	32		320,547	2,547,397
13.	Lợi nhuận khác	40		800,426	(2,547,301)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4,574,963,676	3,397,552,972
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		(13,292,114)	13,409,222
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>4,588,255,790</u>	<u>3,384,143,750</u>
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	<u>3,059</u>	<u>3,042</u>

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4,574,963,676	3,397,552,972
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.7; V.8	3,202,582,015	1,803,733,133
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	1,980,343,394	1,153,769,610
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9,757,889,085	6,355,055,715
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1,367,951,276	90,258,504
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(506,352,434)	(3,007,352,144)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(3,396,197,279)	8,085,386,530
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(150,303,344)	(232,491,257)
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.4	(1,980,343,394)	(983,739,595)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.14	(1,770,147)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(294,255,012)	(36,123,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>4,796,618,751</b>	<b>10,270,994,753</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21			

CÔNG TY CP BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA  
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010

2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	(1,083,613,895)	(30,225,114,831)
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1,083,613,895)</b>	<b>(30,225,114,831)</b>

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp** (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	5,166,700,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3,790,982,049	23,988,248,176
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(8,066,315,939)	(4,851,914,286)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2,390,738,500)	(779,248,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(6,666,072,390)</b>	<b>23,523,785,890</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(2,953,067,534)</b>	<b>3,569,665,812</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>3,779,261,609</b>	<b>209,595,797</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-

Tiền và tương đương tiền cuối kỳ

70

V.1

826,194,075

3,779,261,609

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2010

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp; Vận tải hàng hóa đưng bộ; Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; Sản xuất kinh doanh sản phẩm cơ khí; Xây lắp công nghiệp.

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là năm tài chính thứ 3 của Công ty.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG



### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 08

## **6. Tài sản cố định vô hình**

### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (50 năm).

### ***Chuyển giao công nghệ***

Chi phí chuyển giao công nghệ là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi trả cho Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang và Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hòa để nhận chuyển giao công nghệ sản xuất bê tông ly tâm. Chi phí chuyển giao công nghệ được khấu hao trong 10 năm.

## **7. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## **8. Chi phí trả trước dài hạn**

### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

## **9. Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí hoặc phân bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán thu nhập khác.

#### **10. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

#### **11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

#### **12. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

#### **13. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi (năm 2009) và giảm 50% trong 2 năm tiếp theo.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### 14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### 15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	30.864.704	3.905.158
Tiền gửi ngân hàng	795.329.371	3.775.356.451
+ Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam	791.877.329	3.771.987.312
+ Ngân hàng Công thương Việt Nam	3.452.042	3.369.139
<b>Cộng</b>	<b><u>826.194.075</u></b>	<b><u>3.779.261.609</u></b>

#### 2. Phải thu khách hàng

Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Hud 1	421.165.028	207.214.359
Công ty Cổ Phần Đầu tư & Xây dựng 515	302.703.227	1.067.857.050
Công ty Cổ phần Đầu Tư & Xây Dựng HUD 1.02	553.178.470	-
Công ty TNHH Xây lắp số 1	340.301.437	-
Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Chè	298.158.010	-
Các khách hàng khác	1.181.720.920	1.994.029.350
<b>Cộng</b>	<b><u>3.097.227.092</u></b>	<b><u>3.269.100.759</u></b>

#### 3. Trả trước cho người bán

Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hoà	-
------------------------------------	---

			438.446.328
Xí nghiệp Cơ Điện	250.000.000		-
Công ty TNHH Giải pháp tự động và thiết bị điều khiển	65.239.240		-
Công ty chứng khoán ngân hàng Đông Á	15.000.000		-
<b>Cộng</b>	<b>330.239.240</b>		<b>438.446.328</b>
<b>4. Hàng tồn kho</b>			
	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	1.916.496.724		1.950.903.093
Thành phẩm	1.596.887.212		1.056.128.409
Hàng hóa	320.642		320.642
<b>Cộng</b>	<b>3.513.704.578</b>		<b>3.007.352.144</b>
<b>5. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>			
Công cụ dụng cụ	12.658.333		-
Chi phí sửa chữa	39.107.906		-
Chi phí khác	87.749.002		-
<b>Cộng</b>	<b>139.515.241</b>		<b>-</b>
<b>6. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước</b>			
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	13.292.114		-
<b>Cộng</b>	<b>13.292.114</b>		<b>-</b>

**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	13.359.265.820	13.729.578.277	5.123.150.520	25.704.761	32.237.699.378
Tăng trong năm	59.740.776	852.669.754	-	-	912.410.530
Mua sắm mới	-	594.500.000	-	-	594.500.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	59.740.776	258.169.754	-	-	317.910.530

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>13.419.006.596</b>	<b>14.582.248.031</b>	<b>5.123.150.520</b>	<b>25.704.761</b>	<b>33.150.109.908</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>	-	-	-	-	-
Số đầu năm	450.635.765	1.019.095.899	243.040.375	1.845.518	1.714.617.557
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>576.085.426</i>	<i>1.887.138.357</i>	<i>627.838.596</i>	<i>4.295.232</i>	<i>3.095.357.611</i>
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.026.721.191</b>	<b>2.906.234.256</b>	<b>870.878.971</b>	<b>6.140.750</b>	<b>4.809.975.168</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	12.908.630.055	12.710.482.378	4.880.110.145	23.859.243	30.523.081.821
<b>Số cuối năm</b>	<b>12.392.285.405</b>	<b>11.676.013.775</b>	<b>4.252.271.549</b>	<b>19.564.011</b>	<b>28.340.134.740</b>

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chuyển giao công nghệ	Tài sản vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	3.899.876.938	230.000.000	-	4.129.876.938
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.899.876.938</b>	<b>230.000.000</b>	<b>-</b>	<b>4.129.876.938</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	65.544.150	23.571.426	-	89.115.576
Tăng trong năm	78.652.980	28.571.424	-	107.224.404
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>78.652.980</i>	<i>28.571.424</i>	<i>-</i>	<i>107.224.404</i>
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>144.197.130</b>	<b>52.142.850</b>	<b>-</b>	<b>196.339.980</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	3.834.332.788	206.428.574	-	4.040.761.362
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.755.679.808</b>	<b>177.857.150</b>	<b>-</b>	<b>3.933.536.958</b>

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khuôn cọc cừ D300	165.667.315	-
Hệ thống thoát nước công trực côn xôn	5.536.050	-
<b>Cộng</b>	<b>171.203.365</b>	<b>-</b>

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

Công cụ dụng cụ	225.766.447	85.169.695
Chi phí di dời xưởng	67.304.046	157.042.776
Chi phí khác	14.107.874	54.177.793
<b>Cộng</b>	<b>307.178.367</b>	<b>296.390.264</b>

**11. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng		1.625.333.890
<i>Ngân hàng Đầu tư Phát triển - chi nhánh Khánh Hòa (*)</i>	-	1.625.333.890
Vay dài hạn đến hạn trả	4.740.000.000	2.650.000.000
<i>Ngân hàng Đầu tư Phát triển - chi nhánh Khánh Hòa</i>	4.000.000.000	-
<i>Công ty CP điện lực Khánh Hòa</i>	740.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.740.000.000</b>	<b>4.275.333.890</b>

(\*) Khoản vay NH đầu tư phát triển Chi nhánh Khánh hòa để mua vật tư sản xuất. Lãi suất vay là 13% năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.625.333.890	3.790.982.049	-	(5.416.315.939)	-
<i>Ngân hàng Đầu tư Phát triển - chi nhánh Khánh Hòa</i>	1.625.333.890	3.790.982.049	-	(5.416.315.939)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	2.650.000.000	-	5.480.000.000	(3.390.000.000)	4.740.000.000
<i>Ngân hàng Đầu Tư Phát triển - chi nhánh Khánh hòa</i>	2.650.000.000	-	4.000.000.000	(2.650.000.000)	4.000.000.000
<i>Công ty CP điện lực Khánh Hòa</i>	-	-	1.480.000.000	(740.000.000)	740.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.275.333.890</b>	<b>3.790.982.049</b>	<b>5.480.000.000</b>	<b>(8.806.315.939)</b>	<b>4.740.000.000</b>

**12. Phải trả người bán**

Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Thương Mại & Dịch Vụ Hoàng Gia	195.359.200	-
Công ty TNHH thép Việt An	90.223.079	-
Ông Nguyễn Văn Hào	80.728.000	-

Công ty TNHH Xây dựng Hồng Đức		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Constrexim	-	294.301.002
Xí nghiệp Liên hợp Z751	-	199.080.000
Các nhà cung cấp khác	<u>221.280.709</u>	<u>301.404.122</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>587.590.988</u></b>	<b><u>1.424.465.301</u></b>

**13. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cty TNHH Xây Dựng Quyết Tiến	75.880.002	-
Công ty TNHH Xây Dựng & Đầu Tư	65.230.000	-
Tổng Công ty Xây dựng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn	-	150.557.451
Ông Phạm Văn An	-	115.000.000
Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Chò	-	70.351.890
Khách hàng khác	<u>33.747.146</u>	<u>47.475.749</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>174.857.148</u></b>	<b><u>383.385.090</u></b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán	-	1.176.689.515	1.008.222.068	168.467.447
Thuế thu nhập DN (*)	1.770.147	(13.292.114)	1.770.147	(13.292.114)
Thuế thu nhập cá nhân	26.028.922	119.195.643	124.824.862	20.399.703
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>27.799.069</u></b>	<b><u>1.285.593.044</u></b>	<b><u>1.137.817.077</u></b>	<b><u>175.575.036</u></b>

(\*) Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.6)

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng sản phẩm bê tông ly tâm là 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem thuyết minh số IV.13.

**Tiền thuê đất**



Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 19.190,9 m<sup>2</sup> đất đang sử dụng với mức 2.777,5 VND/ m<sup>2</sup>/năm theo quy định tại điều 2 Hợp đồng thuê đất số 12 ngày 10 tháng 03 năm 2010. Giá thuê đất này được ổn định 05 năm đến ngày 14/11/2013 và sẽ được điều chỉnh lại theo Nghị định 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**15. Phải trả người lao động**

Số dư phải trả người lao động phản ánh quỹ tiền lương chưa chi.

**16. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí sửa chữa lớn	-	430.000.000
Trích trước chi phí lãi vay	-	170.030.015
Trích trước tiền đầu tư đất phải trả Ban quản lý các Khu công nghiệp Khánh Hòa	-	2.812.560.731
Trích trước tiền mua tài sản chưa có hóa đơn	-	783.987.273
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>4.196.578.019</b>

**17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

Kinh phí công đoàn	7.561.846	17.284.657
Phải trả cổ tức	33.629.000	7.416.000
Phải trả khác	-	99.936.784
<b>Cộng</b>	<b>41.190.846</b>	<b>124.637.441</b>

**18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Số đầu năm	193.877.000	
Tăng do trích lập	477.622.000	230.000.000
Chi quỹ trong năm	(294.255.012)	(36.123.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>377.243.988</b>	<b>193.877.000</b>

**19. Phải trả dài hạn khác**

Là tiền đầu tư đất phải trả cho Ban quản lý các Khu công nghiệp Khánh Hòa.

**20. Vay và nợ dài hạn**

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển chi nhánh Khánh Hòa (1)	10.861.000.000	14.861.000.000
Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hòa (2)	737.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>11.598.000.000</b>	<b>14.861.000.000</b>

(1) - Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển chi nhánh Khánh Hòa để đầu tư Nhà máy sản xuất bê tông ly tâm. Khoản vay này có thời hạn 6 năm, lãi suất 12%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

(2) - Khoản phải trả tiền mua TSCĐ trả chậm cho Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hòa trong thời hạn 4 năm kể từ năm 2008. Lãi suất tính theo lãi suất ngân hàng.

## 21. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	14.379.641	-
Số trích lập trong năm	-	14.379.641
Số chi trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>14.379.641</b>	<b>14.379.641</b>

## 22. Vốn chủ sở hữu

### *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1.

### *Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	4.650.000.000	4.650.000.000
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang	3.900.000.000	3.900.000.000
Nguyễn Quang Tiến	151.900.000	151.900.000
Các cổ đông khác	6.298.100.000	6.298.100.000
<b>Cộng</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>

### *Cổ phiếu*

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.500.000	1.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.500.000	1.500.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.500.000	1.500.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### *Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;

- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu

*Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu bán hàng	30.432.968.157	25.298.391.145
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	(12.000.000)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	-	(12.000.000)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>30.432.968.157</u></b>	<b><u>25.286.391.145</u></b>

### 2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán	22.026.430.644	18.819.762.599
<b>Cộng</b>	<b><u>22.026.430.644</u></b>	<b><u>18.819.762.599</u></b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi không kỳ hạn	75.267.244	67.418.494
Ngân hàng cấp bù lãi suất	-	9.205.533
<b>Cộng</b>	<b><u>75.267.244</u></b>	<b><u>76.624.027</u></b>

### 4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay ngân hàng	1.752.446.319	1.153.769.610
Lãi mua hàng trả chậm	227.897.075	256.931.700
<b>Cộng</b>	<b><u>1.980.343.394</u></b>	<b><u>1.410.701.310</u></b>

### 5. Chi phí bán hàng

Chi phí dịch vụ mua ngoài	351.014.993	254.211.908
Chi phí bằng tiền khác	424.808.719	448.635.330
<b>Cộng</b>	<b><u>775.823.712</u></b>	<b><u>702.847.238</u></b>

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí cho nhân viên	577.132.723	590.292.079
Chi phí nguyên liệu, dụng cụ	66.671.089	265.451.253
Chi phí khấu hao tài sản cố định	64.199.172	12.363.758
Chi phí dịch vụ mua ngoài	108.215.613	74.057.350
Chi phí khác	335.255.804	87.439.312
<b>Cộng</b>	<b><u>1.151.474.401</u></b>	<b><u>1.029.603.752</u></b>

### 7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.588.255.790	3.384.143.750
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.588.255.790	3.384.143.750
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.500.000	1.112.498
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.059</b>	<b>3.042</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	1.500.000	983.330
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	129.168
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>1.500.000</b>	<b>1.112.498</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, BHXH, BHYT	577.132.723	281.101.982
Các khoản phụ cấp khác	144.000.000	107.100.000
<b>Cộng</b>	<b>721.132.723</b>	<b>388.201.982</b>

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	Cổ đông lớn, sở hữu 31% vốn điều lệ.
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang	Cổ đông lớn, sở hữu 26% vốn điều lệ.

Các nghiệp vụ trọng yếu phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung giao dịch</u>	<u>Số tiền</u>
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	Trả nợ đến hạn trả	740.000.000
	Lãi vay phải trả	227.897.075
	Trả lãi vay mua tài sản	227.897.075
	Phải thu tiền bán hàng	12.592.197.853
	Cần trừ nợ	673.275.450
	Thanh toán tiền hàng	12.012.625.397

Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang	Mua tài sản, công cụ	662.420.000
	Thanh toán tiền mua tài sản	662.420.000

Tại thời điểm 31/12/2010 công nợ với các bên liên quan như sau

<b>Bên liên quan</b>	<b>Nội dung giao dịch</b>	<b>Số tiền</b>
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	Các khoản phải thu	12.893.636
	Vay ngắn hạn tài sản	740.000.000
	Nợ dài hạn mua tài sản	737.000.000

## 2. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

## V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

### 5.1 Đơn vị kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt (Vietland Co., Ltd)

Giấy CNĐKKD số : 4102051017 ngày 11/6/2007

Báo cáo kiểm toán số : 072/2011/BCKT-KTTV

### 5.2 Phạm vi và cơ sở kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính (*đính kèm*) của Công ty CP Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa gồm : Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 10 tháng 3 năm 2010.

Việc trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của ban giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

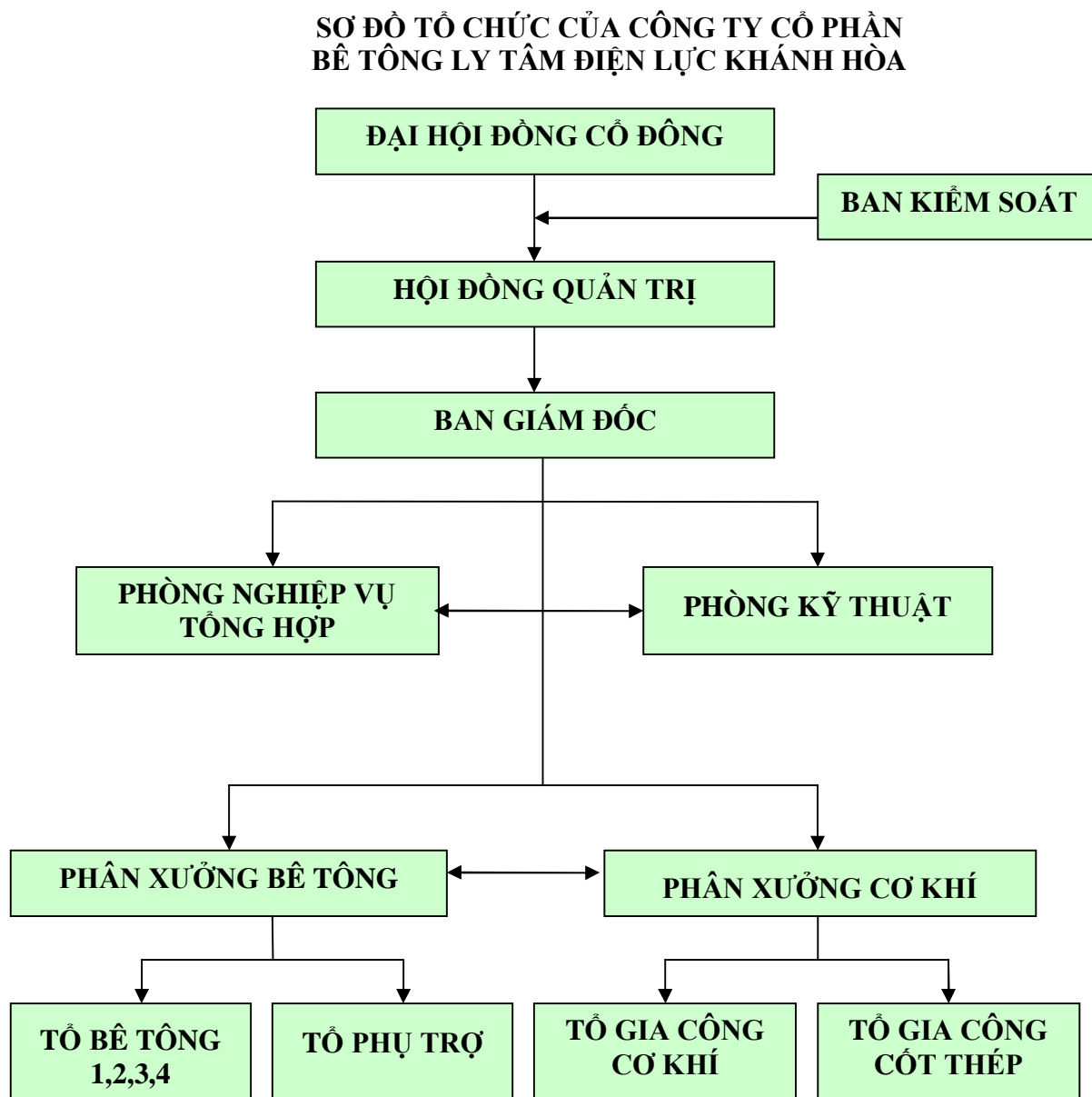
Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kiểm toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

### 5.3 Ý kiến kiểm toán :

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các Quy định pháp lý có liên quan.

## VI. Tổ chức và nhân sự

### 6.1 Cơ cấu tổ chức của công ty



## 6.2 Bộ máy quản lý

### **\*Đại hội đồng cổ đông**

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ và quyền hạn:

- Thảo luận và thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm, Báo cáo của Ban kiểm soát, Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- Thông qua Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
- Thông qua mức chi trả cổ tức, số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, lựa chọn công ty kiểm toán;
- Bầu, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
- Bổ sung và sửa đổi điều lệ công ty;
- Và một số nhiệm vụ khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

### **\*Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau :

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý, cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành, chào bán trái phiếu, cổ phiếu; Bổ nhiệm, cách chức các cán bộ;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Đề xuất việc tái cơ cấu hoặc giải thể Công ty ;
- Kiến nghị phương án xử lý lỗ trong kinh doanh.

### **\*Ban kiểm soát :**

Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;

- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;

- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;

- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;

- Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;

- Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

#### **\*Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, có các nhiệm vụ và quyền hạn sau :

- Điều hành chung toàn bộ hoạt động của Công ty;
- Chỉ đạo công tác kế hoạch sản xuất, cung ứng sản phẩm;
- Chỉ đạo công tác tổ chức nhân sự, công tác thanh tra, thi đua – khen thưởng;
- Chỉ đạo công tác lao động – tiền lương, tuyển dụng lao động;
- Chỉ đạo công tác tài chính – kế toán, kế hoạch vốn, theo dõi cổ đông;
- Chỉ đạo công tác kinh doanh – đối ngoại, nguồn khách hàng;
- Chỉ đạo công tác quản lý kỹ thuật, kế hoạch vật tư;
- Chỉ đạo công tác soạn thảo, ban hành văn bản, quy định, quy chế trong Công ty.

#### **\*Các phòng ban trong Công ty**

Các phòng ban trong công ty thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc được hiệu quả và đúng pháp luật. Cụ thể:

##### **a. Phòng Nghiệp vụ tổng hợp**

- Thực hiện công tác kế toán – tài chính
- Thực hiện công tác Tổ chức – hành chính – văn thư, lao động – tiền lương;
- Thực hiện công tác kinh doanh, đối ngoại, nguồn khách hàng;
- Thực hiện công tác soạn thảo văn bản liên quan đến công tác nói trên.

##### **b. Phòng Kỹ thuật**

- Thực hiện công tác quản lý kỹ thuật, định mức vật tư – kỹ thuật;
- Thực hiện công tác thống kê – kế hoạch - vật tư;
- Phối hợp với tổ gia công cơ khí thực hiện Bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị máy móc;



- Thực hiện công tác kiểm soát, quản lý kỹ thuật sản xuất;
- Thực hiện công tác quản lý chất lượng sản phẩm;
- Thực hiện công tác an toàn – Bảo hộ lao động;
- Thực hiện công tác soạn thảo văn bản liên quan đến các công tác trên.

### **c. Khối sản xuất**

**Khối sản xuất bao gồm hai phân xưởng:** Phân xưởng bê tông và Phân xưởng cơ khí.

**\*Phân xưởng bê tông** gồm các tổ:

**Tổ bê tông** gồm:

- + Bộ phận tháo sản phẩm, chuẩn bị khuôn
- + Bộ phận đặt cốt thép, nạp bê tông, lắp khuôn.
- + Bộ phận chuẩn bị nguyên vật liệu, xi măng, cát, đá
- + Bộ phận vận hành thiết bị: dàn quay ly tâm, trạm trộn, máy căng thép.

**Tổ phụ trợ** gồm:

- + Bộ phận vận hành cầu trục, công trục
- + Bộ phận vận hành nồi hơi – công tác sấy sản phẩm
- + Bộ phận hoàn thiện sản phẩm, xử lý khuyết tật
- + Bộ phận sắp xếp bãi, bốc dỡ sản phẩm.

**\*Phân xưởng cơ khí** gồm các tổ:

**Tổ cốt thép** gồm:

- + Bộ phận sản xuất cốt thép cột điện
- + Bộ phận sản xuất cốt thép, cọc cừ
- + Bộ phận sản xuất cốt thép ống cống
- + Bộ phận sản xuất cốt thép cho các loại cấu kiện khác.
- + Bộ phận vận hành thiết bị: máy cắt dự ứng lực, máy căng thép dự ứng lực.

**Tổ gia công cơ khí, sửa chữa** gồm:

- + Bộ phận vận hành thiết bị: máy tiện, máy phay, các máy công cụ khác. Gia công các chi tiết cấu kiện cho sản xuất: mặt bích cọc cừ.... Chế tạo các chi tiết cấu kiện thay thế định kỳ: các mặt bích căng, tay trộn....
- + Bộ phận kiểm tra – sửa chữa thiết bị máy móc cơ khí, sửa chữa khuôn đúc.
- + Bộ phận kiểm tra – sửa chữa thiết bị điện.

### 6.3 Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

Danh sách các thành viên :

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM
<b>I</b>	<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>		
01	Nguyễn Quang Tiến	Chủ tịch HĐQT	27/02/2008
02	Nguyễn Phước Vĩnh Khải	Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Công ty	27/02/2008
03	Lê Duy Cửu	Thành viên HĐQT	27/02/2008
<b>II</b>	<b>BAN KIỂM SOÁT</b>		
01	Nguyễn Thanh Gần Em	Trưởng Ban kiểm soát	27/02/2008
02	Phan Thị Vân Hà	Thành viên BKS	27/02/2008
03	Huỳnh Diệp Quyên	Thành viên BKS	27/02/2008
<b>III</b>	<b>BAN GIÁM ĐỐC</b>		
01	Nguyễn Thanh Hải	Phó giám đốc	01/10/2009
02	Võ Trị	Kế toán trưởng	01/10/2009

\* Tóm tắt lý lịch cá nhân :

#### 1. Ông : Nguyễn Quang Tiến – Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên : **NGUYỄN QUANG TIẾN**
- Số CMND : 220077736 do Công an Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 09/09/2008
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 25/12/1961
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Khánh Hòa
- Địa chỉ thường trú : 12 Nguyễn Trường Tộ, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
- Số điện thoại liên lạc : (058) 222.0232
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:
  - + Kỹ sư chuyên ngành Cơ khí động lực Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng.
  - + Kỹ sư chuyên ngành Điện kỹ thuật Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng.
- Quá trình công tác:

- + Năm 1984 – năm 1994: Phó Quản đốc phân xưởng tại Phân xưởng cơ điện-Điện lực Khánh Hòa;
- + Năm 1995 – năm 2005 : Đội trưởng Đội xây lắp điện;
- + Năm 2006 – nay : Giám đốc Xí nghiệp xây lắp điện lực Khánh Hòa.
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
  - + Giám đốc Xí nghiệp xây lắp công nghiệp Điện lực Khánh Hòa thuộc Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa.
  - Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 480.190 cổ phần, trong đó:
    - + Cá nhân : 15.190 cổ phần
    - + Ủy quyền : 465.000 cổ phần (Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa)

## **2. Ông Nguyễn Phước Vĩnh Khải – Thành viên HĐQT - Kiêm Giám đốc Công ty**

- Họ và tên : **NGUYỄN PHƯỚC VĨNH KHẢI**
- Số CMND : 220014076 do Công an Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 10/01/2009
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 17/05/1959
- Nơi sinh : Thừa Thiên Huế
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán :
- Địa chỉ thường trú : 34/2 Nguyễn Thiện Thuật, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
- Số điện thoại liên lạc : (058) 370 6632
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:
  - + Trung cấp chuyên ngành Kỹ thuật điện Trường Đào tạo Điện lực Khánh Hòa.
- Quá trình công tác:
  - + Năm 1977 – năm 1981 : Học viên Sở Quản lý và Phân phối điện;
  - + Năm 1981 – năm 1994 : Tổ phó tổ gia công cơ khí PX.Cơ điện – Điện lực Khánh Hòa.
  - + Năm 1995 – năm 2005 : Quản đốc PX.Bê tông ly tâm – Điện lực Khánh Hòa.
  - + Năm 2006 – năm 2008 : Phó Giám Đốc Xí nghiệp xây lắp tại Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa;
  - + Năm 2008 – nay : Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa.

- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 15.190 cổ phần, trong đó:
  - + Cá nhân : 15.190 cổ phần
  - + Ủy quyền : 0 cổ phần

### 3. Ông Lê Duy Cửu – Thành viên HĐQT

- Họ và tên : **LÊ DUY CỬU**
- Số CMND : 361590767 do Công an TP. Cần Thơ cấp ngày 31/07/2006
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 08/12/1976
- Nơi sinh : Cần Thơ
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : xã Vĩnh Trinh, huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ
- Địa chỉ thường trú : Khóm Thới Hòa 1, P. Thới Thuận, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ
- Số điện thoại liên lạc : (076) 393 1184
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:
  - + Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Quản trị kinh doanh Trường Đại học Cần Thơ.
- Quá trình công tác:
  - + Năm 1999 – năm 2000 : Nhân viên Công ty Mía Đường Cần Thơ;
  - + Năm 2001 – 08/2003 : Nhân viên Xí nghiệp Bê tông ly tâm An Giang;
  - + 09/2003 – 10/2003 : Nhân viên Công ty Cổ Bê tông ly tâm An Giang;
  - + Năm 2003 – năm 2005 : Phó Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang;
  - + Năm 2005 – năm 2007 : Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang;
  - + Năm 2008 – nay : Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang.
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên HĐQT.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang.
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 420.000 cổ phần, trong đó:
  - + Cá nhân : 30.000 cổ phần

+ Ủy quyền : 390.000 cổ phần (Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang)

#### **4. Ông Nguyễn Thanh Hải – Phó Giám đốc Công ty**

- Họ và tên : **NGUYỄN THANH HẢI**
- Số CMND : 220253537 do Công an TP. HCM cấp ngày 06/05/2009
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 28/07/1962
- Nơi sinh : TP. HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nha Trang – Khánh Hòa
- Địa chỉ thường trú : 152/3 Hương Lộ Ngọc Hiệp, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
- Số điện thoại liên lạc : (058) 3.727.626
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:
  - + Đại học chuyên ngành cơ khí nông nghiệp trường Đại học Nông nghiệp IV;
  - + Chứng chỉ đào tạo Anh văn TM BEC 1 trung tâm ngoại ngữ Hàn Thuyên;
  - + Chứng chỉ đào tạo Tin học lập trình Tin học SaMis
- Quá trình công tác:
  - + Năm 1985 – năm 1992 : Nhân viên Xí nghiệp cơ khí tàu thuyền Cam Ranh;
  - + Năm 1992 – năm 1995 : CBKT phân xưởng cơ điện – Điện lực Khánh Hòa.
  - + Năm 1996 – năm 2005 : CBKT –P.Quản đốc xưởng SX BTLT thuộc đội XL Điện – Điện lực Khánh Hòa.
  - + Năm 2006 – năm 2008 : P.Quản đốc PX. BTLT – Điện lực Khánh Hòa.
  - + Năm 2008 – năm 2009 : Quản đốc PX.BTLT - Xí nghiệp xây lắp Công Nghiệp - Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa ;
  - + Năm 2009 – nay : Phó Giám đốc Công ty cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Phó Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 3.100 cổ phần, trong đó:
  - + Cá nhân : 3.100 cổ phần
  - + Ủy quyền : 0 cổ phần

#### **5. Ông Võ Trị - Kế toán trưởng Công ty**

- Họ và tên : **VÕ TRỊ**

- Số CMND : 220094623 do Công an tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 18/06/2008
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 16/12/1962
- Nơi sinh : Nha Trang – Khánh Hòa
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nha Trang – Khánh Hòa
- Địa chỉ thường trú : 34 Đường số 5, P. Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
- Số điện thoại liên lạc : (058) 222 0696
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:
  - + Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính Xây dựng Cơ bản Trường Đại học Tài chính TP. HCM.
- Quá trình công tác:
  - + Năm 1988 – năm 1991 : Kế toán viên tổng hợp Xí nghiệp Cơ khí xăng dầu TP. Hồ Chí Minh;
  - + Năm 1991 – năm 1999 : Kế toán trưởng Công ty Xây lắp điện II – Xí nghiệp xây dựng;
  - + Năm 1999 – năm 2005 : Kế toán PX.BTLT – đội xây lắp điện – Điện lực Khánh Hòa.
  - + Năm 2006 – năm 2008 : Phụ trách Kế toán Xí nghiệp xây lắp điện Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa;
  - + Năm 2008 – nay : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa.
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 67.895 cổ phần, trong đó:
  - + Cá nhân : 67.895 cổ phần
  - + Ủy quyền : 0 cổ phần

**6. Ông : Nguyễn Thanh Gân Em – Trưởng Ban kiểm soát**

- Họ và tên : **NGUYỄN THANH GÂN EM**
- Số CMND : 351098820 do Công an Tỉnh An Giang cấp ngày 17/03/2006
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 10/01/1976
- Nơi sinh : An Giang

- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : An Giang
- Địa chỉ thường trú : Ấp An Thạnh, xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
- Số điện thoại liên lạc : (076) 393 1183
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:
  - + Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán kiểm toán Trường Đại học Kinh Tế TP. HCM;
- Quá trình công tác:
  - + Năm 1998 – năm 1999 : Nhân viên Kế toán Xí nghiệp Bê tông ly tâm An Giang;
  - + Năm 1999 – năm 2000 : Kế toán tổng hợp Công ty liên doanh TNHH Bê tông ly tâm Kiên An;
  - + Năm 2001 – năm 2003 : Kế toán trưởng Công ty liên doanh TNHH Bê tông ly tâm Kiên An;
  - + Năm 2003 – năm 2004 : Phó phòng Kế toán Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang;
  - + Năm 2004 – năm 2007 : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang;
  - + Năm 2008 – nay : Phó Giám đốc tài chính kiêm Trưởng phòng Kế toán Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang;
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Trưởng Ban kiểm soát.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc tài chính công ty cổ phần Bê tông ly tâm An Giang.
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 13.000 cổ phần, trong đó:
  - + Cá nhân :13.000 cổ phần
  - + Ủy quyền : 0 cổ phần

#### **7. Bà Phan Thị Vân Hà – Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên : **PHAN THỊ VÂN HÀ**
- Số CMND : 225117088 do Công an tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 28/11/2009
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 21/10/1979
- Nơi sinh : Quảng Ninh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh

- Quê quán : Đà Nẵng
- Địa chỉ thường trú : số 10 khu tập thể Bình Khê, Phước Tân, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
- Số điện thoại liên lạc : (058) 246 1047
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:
  - + Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán Trường Đại học Kinh tế và Quản Trị Kinh Doanh Đà Nẵng.
- Quá trình công tác:
  - + Năm 2001 – nay: Chuyên viên kế toán Công ty cổ phần Điện lực KH
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên Ban kiểm soát.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chuyên viên Tài chính – Kế toán Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 0 cổ phần.

#### 8. Bà Huỳnh Diệp Quyên – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên : **HUỲNH DIỆP QUYÊN**
- Số CMND : 225181475 do Công an Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 24/03/1999
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 13/11/1981
- Nơi sinh : Nha Trang – Khánh Hòa
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nha Trang – Khánh Hòa
- Địa chỉ thường trú : Chung cư Hưng Phú, P. Vĩnh Khải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
- Số điện thoại liên lạc : (058) 246 1048
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn:
  - + Cử nhân chuyên ngành Kế toán trường Đại học Nha Trang.
- Quá trình công tác:
  - + Năm 2004 – 06/2006 : Kế toán Công ty TNHH Philips Seafood VN
  - + 07/2006 – 12/2006 : Kế toán Công ty Cổ phần Vinaconex - UPGC;
  - + Năm 2007 – nay : Kế toán Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa.
- Chức vụ công tác hiện nay tại đơn vị đăng ký giao dịch: Thành viên Ban kiểm soát



- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chuyên viên Tài chính – Kế toán Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa.
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phần

**\* Quyền lợi của Ban Điều hành năm 2010: Tổng : 714.920.516đồng.**

*Chi tiết gồm :*

1. Ông : Nguyễn Quang Tiến : 50.114.000đồng
2. Ông : Nguyễn Phước Vĩnh Khải : 274.140.703đồng
3. Ông : Lê Duy Cửu : 33.409.000đồng
4. Ông : Nguyễn Thanh Hải : 154.950.901đồng
5. Ông : Võ Trị : 154.305.912đồng
6. Ông : Nguyễn Thanh Gân Em : 24.000.000đồng
7. Bà : Huỳnh Diệp Quyên : 12.000.000đồng
8. Bà : Phan Thị Vân Hà : 12.000.000đồng

\* Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

Tổng số cán bộ, nhân viên Công ty tính đến ngày 31/12/2010 là **117** người, trong đó :

STT	Phân loại lao động	Số người	Tỷ trọng (%)
<b>I</b>	<b>Phân theo đối tượng lao động</b>		
1	Lao động gián tiếp	17	14,53%
2	Lao động trực tiếp	100	85,47%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>117</b>	<b>100%</b>
<b>II</b>	<b>Phân theo trình độ lao động</b>		
1	Trình độ Đại học	07	5,98%
2	Trình độ Cao đẳng và Trung cấp	18	15,38%
3	Trình độ sơ cấp	04	3,41%
4	Công nhân có tay nghề	11	9,5%
5	Lao động phổ thông	77	65,82%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>117</b>	<b>100%</b>

**Chế độ làm việc và chính sách lương, thưởng, trợ cấp cho người lao động:**

+ **Chế độ làm việc**

Công ty thực hiện chế độ làm việc cho người lao động là 8 giờ/ngày đối với bộ phận làm việc theo giờ hành chính hoặc 7 giờ/ca đối với bộ phận làm việc theo ca.

Hàng tuần CB - CNV được nghỉ 01 ngày trong tuần do trường đơn vị quy định. Tuy nhiên tùy theo đặc điểm , tình hình sản xuất kinh doanh của công ty mà trường đơn vị có thể

yêu cầu CB - CNV trong đơn vị mình làm việc vào ngày nghỉ trong tuần và được tính lương theo qui định của bộ luật lao động .

Các chế độ nghỉ lễ, tết được Công ty giải quyết theo đúng quy định Nhà nước.

**+ Chính sách lương, thưởng, trợ cấp**

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh và năng lực của người lao động, Công ty trả lương theo các hình thức: lương thời gian, lương sản phẩm và lương khoán công việc. Công ty thực hiện phân phối lương theo lao động: người làm công việc nào thì được trả lương theo công việc đó. Trường hợp người lao động làm thêm giờ hoặc làm đêm, Công ty thực hiện việc chi trả lương ngoài giờ theo đúng quy định của Bộ luật Lao động đã ban hành.

**+ Chế độ phúc lợi**

Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty thực hiện đầy đủ cho người lao động thuộc diện bắt buộc đóng bảo hiểm xã hội. Đồng thời, Công ty cũng làm nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ và đúng hạn cho các cơ quan bảo hiểm xã hội.

**+ Chính sách đào tạo**

Đa số công nhân lao động của Công ty thực hiện các công đoạn sản xuất từ dây chuyền thủ công chuyển sang thực hiện vận hành sản xuất trên dây chuyền cơ khí hóa công nghiệp. Vì vậy việc chuyển đổi, tiếp nhận và đào tạo, bồi dưỡng tay nghề cho công nhân là vấn đề được Công ty quan tâm hàng đầu.

Công ty sẽ tạo mọi điều kiện thuận lợi để người lao động phát huy năng lực cũng như thường xuyên trau dồi chuyên môn của mình. Nâng cao các kỹ năng thao tác cho công nhân trực tiếp sản xuất; Kỹ năng quản lý, vận hành thiết bị cho CBCNV thuộc các bộ phận trực tiếp đứng máy và kỹ năng, nghiệp vụ của CBCNV các bộ phận quản lý khác như kỹ thuật, vật tư, tài chính, tổ chức, kế hoạch sản xuất.....

Đồng thời, Ban lãnh đạo Công ty sẽ xây dựng kế hoạch cử các cán bộ chủ chốt, cán bộ quản lý cấp trung, chuyên viên tham gia các lớp học quản lý phù hợp với nhiệm vụ và khả năng phát triển trong hoạt động chung của công ty.

## **VII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty**

### **7.1. Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên :**

- **Hội đồng quản trị** : có 3 thành viên trong đó 1 thành viên bên trong và 2 thành viên độc lập không điều hành. Cơ cấu gồm : 1 chủ tịch HĐQT và 2 thành viên HĐQT.

- **Ban kiểm soát** : có 3 thành viên, 3 thành viên đều là thành viên bên ngoài (*thuộc 2 Công ty liên kết*) . Cơ cấu gồm : 1 trưởng ban và 2 thành viên.

**- Hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) :**

+ HĐQT hoạt động theo cơ chế tập trung dân chủ tuân theo pháp luật, điều lệ và các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, của HĐQT Công ty. Các thành viên HĐQT thực hiện chức trách nhiệm vụ theo quy chế hoạt động hiện hành.

+ Chỉ đạo việc ban hành các quy chế phục vụ công tác quản lý điều hành và đưa ra các chủ trương, định hướng cho hoạt động sản xuất của Công ty.

+ Chỉ đạo sắp xếp lại bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả cùng với việc xây dựng lại định mức tiền lương hợp lý.

+ Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và các cán bộ quản lý trong việc điều hành công việc kinh doanh cũng như giải quyết những khó khăn, tồn đọng của Công ty.

+ Chỉ đạo kịp thời trong việc đầu tư nâng cao năng lực sản xuất

+ Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo Quy định tại Điều lệ Công ty.

**- Hoạt động của Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:**

Thực hiện chức năng và nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Ban kiểm soát kiểm tra, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty về việc chấp hành luật pháp, Điều lệ, Nghị quyết Đại hội cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị về chế độ thu, chi tài chính, chính sách người lao động, các định mức chi phí trong sản xuất kinh doanh và các hoạt động liên quan khác..... Ban kiểm soát còn tham gia các cuộc họp và góp ý với Hội đồng quản trị và ban điều hành Công ty về các vấn đề trên.

- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty :

Để tăng cường hơn nữa hiệu quả trong hoạt động quản trị, Hội đồng quản trị và ban Giám đốc sẽ tập trung các kế hoạch sau :

+ Liên tục cập nhật , đổi mới, nhất là các quy chế nội bộ

+ Đào tạo về nghiệp vụ chuyên môn, quan tâm đến công tác đào tạo về kỹ năng quản lý cho các cấp quản lý Công ty

+ Thực hiện tốt các quy định về thưởng phạt để tạo động lực phát triển.

**- Chi tiết thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và thành viên Ban kiểm soát/Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành:**

*DVT : đồng*

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	TỔNG THU NHẬP NĂM 2010
01	Nguyễn Quang Tiến	Chủ tịch HĐQT	50.114.000
02	Lê Duy Cửu	Thành viên HĐQT	33.409.000
03	Nguyễn Phước Vĩnh Khải	Thành viên HĐQT – Kiểm Giám đốc Cty	274.140.703
04	Nguyễn Thanh Hải	Phó Giám đốc Công ty	154.950.901
05	Võ Trị	Kế toán trưởng	154.305.912
06	Nguyễn Thanh Gần Em	Trưởng ban kiểm soát	24.000.000
07	Huỳnh Diệp Quyên	Thành viên ban kiểm soát	12.000.000
08	Phan Thị Vân Hà	Thành viên ban kiểm soát	12.000.000
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>714.920.516</b>

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên TẠI THỜI ĐIỂM 05/4/2011

STT	HỌ VÀ TÊN	Trước khi thay đổi giấy CNĐKKD (29/12/2009)		Sau khi thay đổi giấy CNĐKKD đến 05/4/2011	
		Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu
01	Nguyễn Quang Tiến	15.100	1%	15.190	1,01%
02	Lê Duy Cửu	30.000	2%	30.000	2%
03	Nguyễn Phước Vĩnh Khải	13.690	0,91%	15.190	1,01%
04	Nguyễn Thanh Hải	3.100	0,20%	3.100	0,20%
05	Võ Trị	66.095	4,4%	67.895	4,52%
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>127.985</b>	<b>8,51%</b>	<b>131.375</b>	<b>8,74%</b>

## 72. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

### 1. Thống kê về cổ đông góp vốn

STT	Cổ đông	Số lượng	Số Cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
<b>1</b>	<b>Tổ chức</b>	<b>2</b>	<b>855.000</b>	<b>57,00%</b>
1.1	Công ty CP Điện lực Khánh Hòa	1	465.000	31,00%
1.2	Công ty CP bê tông ly tâm An giang	1	390.00	26,00%
<b>2</b>	<b>Cá nhân</b>	<b>157</b>	<b>645.000</b>	<b>43,00%</b>
2.1	Cổ đông là CBCNV trong Công ty	32	158.435	10,22%
2.2	Cổ đông là CBCNV Công ty CP BTLT An Giang	17	162.750	13,68%
2.3	Cổ đông là CBCNV Công ty CP Điện lực Khánh Hòa	90	178.555	11,94%
2.4	Cổ đông ngoài Công ty	18	145.260	7,16%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>159</b>	<b>1.500.000</b>	<b>100,00%</b>

**2. Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập**

ST T	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ liên lạc	Nghề nghiệp	Số lượng cổ phiếu	% Sở hữu
01	<b>Công ty CP Điện lực Khánh Hòa</b>	4200601069 Do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 24/8/2009	11 Lý Thánh Tôn, P. Vạn Thạnh, Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa		4.650	31%
02	<b>Công ty CP Bê tông ly tâm An Giang</b>	1600669108 Do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 23/4/2009	KCN Vàm Cống, QL 91, khóm An Hưng, P. Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang		3.900	26%
03	<b>Nguyễn Quang Tiến</b>	1961	12 Nguyễn Trường Tộ, P. Xương Huân, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bê tông ly tâm ĐLKH	15.190	1,01%

TP. Nha Trang, Ngày 05 tháng 4 năm 2011

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN QUANG TIẾN